

**ĐỀ CƯƠNG CỦA SÁNG KIẾN**

<b>STT</b>	<b>TÊN MỤC</b>	<b>TRANG</b>
<b>1</b>	<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>2</b>
<b>1.1</b>	Lí do chọn đề tài	<b>2</b>
<b>1.2</b>	Mục đích nghiên cứu	<b>3</b>
<b>1.3</b>	Đối tượng nghiên cứu	<b>3</b>
<b>1.4</b>	Phương pháp nghiên cứu	<b>4</b>
<b>1.5</b>	Giới hạn phạm vi nghiên cứu	<b>4</b>
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>4</b>
<b>2.1</b>	Cơ sở lí luận của vấn đề	<b>4-5</b>
<b>2.2</b>	Thực trạng của vấn đề	<b>5-7</b>
<b>2.3</b>	Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7	<b>8 -21</b>
<b>2.4</b>	Kết quả đạt được	<b>21</b>
<b>3</b>	<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>22</b>
<b>3.1</b>	Kết luận	<b>22 -23</b>
<b>3.2</b>	Kiến nghị	<b>23</b>

## **1. MỞ ĐẦU**

### **1.1. Lí do chọn chọn đề tài**

Ở bậc trung học cơ sở, cùng với sự đổi mới của chương trình sách giáo khoa toàn cấp các môn học, môn Ngữ Văn được biên soạn theo tích hợp dọc (đồng tâm, vòng tròn, xoáy tròn ốc): Kiến thức lớp trên, bậc trên bao hàm và nâng cao hơn kiến thức lớp dưới, bậc dưới.

Cụ thể: vòng 1(lớp 6,7) vòng 2 (lớp 8,9). Lớp 7 là lớp cuối cùng của vòng 1.

Đối với phân môn Văn Học: Việc đưa văn học Trung đại xuống lớp 7 (trước đây là lớp 9). Chẳng hạn: Thơ Đường của Trung Quốc (5 bài)

Sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 7 chỉ đưa vào những tác phẩm tối thiểu vừa đủ ngắn gọn. Những văn bản đó góp phần phục vụ yêu cầu tích hợp cao.

Với học sinh lớp 7, các em đã có số vốn kiến thức văn học và đời sống nhưng các em vẫn chịu ảnh hưởng và kinh nghiệm của giáo viên một cách sâu sắc. Bởi vậy các em sẽ dễ dàng hồn nhiên, tin tưởng vào kết quả đạt được dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Vì thế giáo viên càng phải hết sức thận trọng khi chọn phương pháp cho học sinh tiếp cận văn bản và cảm thụ văn bản làm sao cho học sinh dễ hiểu, tự mình khám phá được để không bị mất lòng tin, không chán nản ở những lần khám phá tiếp theo. Đặc biệt với Thơ Đường của các tác giả Trung Quốc- một thể loại mới. Tuy chỉ với số lượng ít nhưng nó cũng chiếm vị trí quan trọng. Song khi thực hiện giảng dạy tôi thấy học sinh gặp không ít khó khăn trong việc tiếp nhận tri thức. Khó khăn thứ nhất mà các em gặp phải đó là hệ thống ngôn ngữ. Các bài thơ Đường luật ngôn ngữ dùng nhiều hình ảnh: ước lệ, tượng trưng, cổ điển, điển tích, phiên âm chữ Hán . Khó khăn thứ hai mà tôi nhận thấy đó là những bài thơ Đường luật có yêu cầu rất nghiêm ngặt về niêm luật, đối, vần, bố cục đòi hỏi học sinh phải nắm chắc những quy định đó tương đối thuần thục thì mới có thể hiểu hết nội dung ý nghĩa của bài thơ mà tác giả gửi gắm vào đó. Khó khăn tiếp theo về khoảng cách thời gian có những bài thơ của tác giả Trung Quốc cách xa hàng mười mấy thế kỉ nên có sự khác biệt về tư tưởng, lối sống, văn hóa. Thơ Đường phản ánh một cách toàn diện xã hội đời Đường, thể hiện quan niệm nhận thức

,tâm tư ...của con người đời Đường một cách sâu sắc. Nội dung phong phú được thể hiện bằng hình thức thơ hoàn mỹ. Thành tựu trên các phương diện của thơ Đường đều đạt đến đỉnh cao. Thơ Đường là sự kế thừa đến đỉnh cao và phát triển cao độ thơ ca cổ điển Trung Quốc. Nó là tập “Đại thành” cho nên những phương diện của thi pháp thơ cổ điển của Trung Quốc rất tiêu biểu.

Thơ Đường rất phong phú về nội dung lẫn nghệ thuật. Để cảm thụ và truyền đạt hết cái hay cái đẹp của thơ Đường là một điều khó. Tất cả những khó khăn trên đều tác động không ít tới việc tiếp cận tác phẩm đối với học sinh lớp 7 nên càng đòi hỏi người giáo viên phải am hiểu tác phẩm văn học, mỗi giáo viên phải tự chọn cho mình một lối đi riêng. Đối với bản thân, tôi cảm thấy cần phải nâng cao hiệu quả trong giảng dạy thơ Đường giúp cho học sinh cảm thụ văn bản một cách dễ dàng để từ đó bồi dưỡng ý thức thích học cho học sinh.

Xuất phát từ thực tế trên trong quá trình học tập, giảng dạy, tìm tòi, nghiên cứu tôi cùng một số đồng nghiệp đã tìm ra một giải pháp tốt giúp học sinh làm thế nào để nắm bắt bài học một cách dễ hiểu và hứng thú nhất. Qua thời gian tìm tòi và vận dụng, cho đến nay tôi đã tìm được cho mình một cách làm mang lại hiệu quả cao.

## **1.2. Mục đích nghiên cứu.**

Xuất phát từ những vấn đề trên cộng với những trăn trở của bản thân, tôi tự đặt ra câu hỏi: làm thế nào để cho các em hiểu thơ, yêu thơ và say mê với thơ hơn, đặc biệt thơ Đường, để từ đó hình thành thói quen ham học và cảm thụ văn thơ.

Tôi đã quyết định chọn đề tài “*Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7*” với mong muốn có thể ứng dụng hiệu quả hơn trong giảng dạy để dạy tốt các bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7, từ đó chất lượng học văn ngày càng được nâng lên.

## **1.3 . Đối tượng nghiên cứu :**

- Nâng cao hiệu quả dạy thơ Đường ở THCS
- Khách thể: Học sinh lớp 7

#### **1.4. Phương pháp nghiên cứu:**

Trong quá trình thực hiện đề tài này, tôi đã vận dụng và phối hợp nhiều giải pháp, phương pháp trong đó có các phương pháp cơ bản sau:

+ Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu giáo trình có liên quan đến vấn đề thơ và phương pháp giảng dạy thơ Đường

+ Phương pháp điều tra, quan sát: Thông qua việc dự giờ thăm lớp, qua thực tế dạy học.

+ Phương pháp tổng kết và đúc rút kinh nghiệm: Tìm hiểu thực trạng việc dạy học của giáo viên qua các bài thơ Đường trong sách giáo khoa Ngữ văn THCS.

+ Phương pháp đàm thoại: Trao đổi với giáo viên trong tổ văn về vấn đề dạy Ngữ văn nói chung và dạy thơ Đường nói riêng.

+ Phương pháp thực nghiệm: Tiến hành thực nghiệm để kiểm nghiệm tính khả thi và tác dụng của các ý kiến đóng góp về phương pháp giảng dạy thơ Đường, từ đó điều chỉnh cho hợp lý hơn.

#### **1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu :**

- Vận dụng trong phạm vi giảng dạy Thơ Đường trong Ngữ văn 7 THCS

- Hai lớp: 7A1, 7A2 Trường THCS Nguyễn Tất thành - Nam Đông - Cư Jút - Đắk Nông

## **2. NỘI DUNG**

### **2.1. Cơ sở lí luận của vấn đề :**

Bộ phận văn học nước ngoài nói chung và thơ Đường nói riêng ở trường Trung học cơ sở là một mảng khó dạy đối với giáo viên. Ở trường Đại Học việc giảng dạy được chuyên môn hóa cao độ, mỗi giảng viên chỉ tập trung nghiên cứu một bộ phận văn học( ví dụ: Văn học nước ngoài, văn học Việt Nam,...), Thậm chí là một giai đoạn của bộ phận văn học đó nên có điều kiện đi sâu nắm bắt được nội dung phương pháp giảng dạy .

Trong khi đó ở các trường trung học cơ sở - chúng tôi những người giáo viên Ngữ văn thực hiện giảng dạy theo phân phối chương trình bao gồm

cả văn học Việt Nam lẫn văn học nước ngoài, mà đặc biệt là thơ Đường, vì vậy sẽ còn nhiều lúng túng khi giảng dạy cho học sinh. Hàng rào ngôn ngữ đã là trở ngại, chương trình Ngữ văn trung học cơ sở trong những năm gần đây có nhiều đổi mới qua đợt cải cách giáo dục, phân môn văn học có nhiều bài khó, kiến thức mới mẻ nhưng chỉ dạy trong một tiết... Bởi vậy, để học sinh nắm được những kiến thức, kỹ năng cơ bản theo Chuẩn kiến thức – Kỹ năng là một điều khó khăn.

Trước tình hình ấy, để khắc phục những khó khăn đó và đáp ứng yêu cầu giảng dạy, giáo viên phải tìm hiểu kỹ chương trình, bổ sung thêm kiến thức từ các sách nghiên cứu, đi sâu tìm hiểu, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, vừa sức với học sinh, giúp các em vượt qua những khó khăn trên để cảm nhận được cái hay, cái đẹp của tác phẩm thơ này. Tiếp nhận thơ Đường của Trung Quốc đối với lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, đặc biệt học sinh lớp 7 quả là điều không hề đơn giản. Chính vì vậy người giáo viên phải là chiếc cầu nối giúp các em cảm nhận được thơ ca trung đại, đặc biệt thơ Đường - một thành tựu của thơ ca nhân loại.

## **2.2 .Thực trạng của vấn đề :**

\* Về phía nội dung chương trình thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

Phần nội dung chương trình Ngữ văn 7 kì I có nhiều bài thơ Đường của thời nhà Đường (Trung Quốc) rất tiêu biểu, đặc sắc. Trước đây, một số bài thơ này được học trong chương trình 9 nhưng theo quan điểm đổi mới, các tác phẩm này đã được đưa xuống chương trình văn 7. Vì vậy để học sinh nắm được cái thần của bài thơ, hiểu được ý nghĩa sâu xa của bài thơ quả là rất khó.

\* Về phía học sinh:

Nhiều học sinh tỏ ra ngại học phần thơ Đường, không hứng thú, nhất là các bài thơ có bản phiên âm chữ Hán... Nhiều học sinh chưa có thói quen chủ động tìm hiểu khám phá bài học, còn thờ ơ, lãnh đạm với tác phẩm văn chương, nhất là thơ, thường ít hiểu, ít yêu thơ. Các em học các bài thơ trong sách giáo khoa cũng bình thường như các bài học khác, ít em có một quyển sổ đẹp để chăm chút viết vào đây những bài thơ hay mà mình yêu thích. Đối với

nhieu em, thế giới thơ còn là một thế giới xa lạ. Nếu có ai hỏi các em về những bài thơ hay mà các em thích, thường khi hiểu biết của các em quanh quẩn cũng không ngoài các bài thơ đã học trong sách giáo khoa và sở dĩ các em thấy hay vì có in trong sách giáo khoa và thầy giáo bảo vậy. Cá biệt không phải không có em “sợ” thơ, bởi vì có những bài thơ có phiên âm chữ Hán, từ ngữ khó hiểu, điển cố nặng nề gây cho các em nhiều mệt nhọc, mà cách giảng của người thầy nhiều lúc cũng chưa làm cho các em hiểu rõ và thấy hay thêm được chút nào. Từ đó học sinh mất hứng thú khi học văn và kéo theo chất lượng học văn ngày càng sa sút.

Tuy xã hội phát triển cùng với những thông tin đại chúng như internet nhưng các em tiếp xúc không phải thay vì tìm kiếm những tác phẩm văn chương hay để đọc mà chủ yếu để kết bạn, nghiện những trò chơi hấp dẫn hiện đại điều này không chỉ khiến các em ngày càng học yếu mà còn xa vào các tệ nạn xã hội.

\* Về phía giáo viên:

Với những văn bản thơ chữ Hán, một số giáo viên khi phân tích chủ yếu hướng dẫn các em phần nhiều bám vào bản dịch thơ mà sao nhãng hoặc quên lãng bản phiên âm (bản gốc), HS không thể nhớ nổi một từ hay một câu thơ trong bản gốc.

Tiếp cận với những bài thơ mỹ lệ, mang tính mẫu mực, một số giáo viên tham phần bình, bình quá nhiều khiến thiếu thời gian để học sinh phát huy năng lực sáng tạo của mình trong quá trình cảm nhận.

Một số giáo viên lại chỉ chú ý đến hệ thống câu hỏi mà chưa chú ý đến phần bình, giờ dạy khô khan, điều đó khiến cho năng lực cảm thụ cái hay cái đẹp của tác phẩm với học sinh chưa hoàn toàn đúng mức.

\* Các nhân tố khác:

Bên cạnh đó, thế kỉ 21 Hội nhập toàn cầu, đời sống kinh tế xã hội phát triển, những môn học thời thượng (Toán, Lý, Hoá, Tin học, Ngoại ngữ...) quan trọng hơn bao giờ hết thì văn chương không có tính năng ứng dụng, tương lai người học không được đảm bảo, học sinh ngày càng xa rời văn

chương. Đặc biệt, một thực tại mà giáo viên nào cũng nhận thấy: Sách tham khảo, sách hướng dẫn để học tốt, sách chuẩn kiến thức, những bài văn mẫu, điện thoại thông minh, máy vi tính... quá nhiều, vô hình dung đã làm cho học sinh bỏ rơi sách giáo khoa, học sinh tỏ ra biết đầy đủ nội dung tác phẩm văn chương được học dựa vào bài soạn ở nhà nhưng chưa một lần đọc bài văn, bài thơ trong sách giáo khoa, thầy có kiểm tra phát vấn thì các loại sách tham khảo nghĩ hộ, nói hộ tất cả và khi giáo viên ra đề kiểm tra coi nghiêm túc thì tất thấy đã phơi bày ra, học sinh không thích, không có hứng thú học văn.

Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy hầu như các em không có hứng thú với thể loại thơ Đường hỏi gì các em cũng không biết và tỏ thái độ không hợp tác, toàn chú ý đi nơi khác.

Để biết rõ hơn nguyên nhân vì sao các em lại có thái độ như vậy, tôi đã chủ động phát phiếu thăm dò đối với học sinh của lớp 7A2 tôi đang trực tiếp giảng dạy:

**\* Phiếu thăm dò:**

Câu hỏi	Rất thích	Thích	Không thích
Em cảm nhận như thế nào khi học thể loại thơ Đường ? (Học sinh đánh dấu X vào ô chọn)			

Kết quả thu được lại khiến cho tôi rất trăn trở.

Lớp	Tổng số	Rất thích		Thích		Không thích	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
7A2	37	02	5,4%	12	32,4%	23	62,2%

Tiến hành nghiên cứu đề tài này, tôi không có tham vọng nhiều mà chỉ mong học sinh của tôi có niềm đam mê học văn nói chung và có kỹ năng cảm thụ thơ Đường nói riêng để từ đó chất lượng học văn ngày càng được nâng lên.

## 2.3. Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình

### Ngữ văn 7

#### 2.3.1. Thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

\* Có 5 bài thơ Đường (3 bài học chính và 2 bài đọc thêm):

- “Vọng Lư sơn bộc bố” (Xa ngắm thác núi Lư) – Lý Bạch.
- “Tĩnh dạ tứ” (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh) – Lý Bạch.
- “Hồi hương ngẫu thư”(Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê) – Hạ Tri Chương.
- “Mao ốc vị thu phong sở phá ca” (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) - Đỗ Phủ.
- “Phong Kiều dạ bạc” (Đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều) – Trương Kế.

\* So với thơ Đường trong sách giáo khoa lớp 9 cũ đã giảm rất nhiều cho phù hợp với lớp 7. Sách giáo khoa lớp 9 trước đây, thơ Đường dạy cô lập nhưng giờ đây tiếng Việt, làm văn đều dùng ngữ liệu thơ Đường không chỉ để khắc họa kiến thức mới mà còn làm đề luyện tập.

#### 2.3.2. Đặc điểm của 5 bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

Có 3 bài làm theo thể thất ngôn tuyệt cú Đường luật:

- + Hồi hương ngẫu thư.
- + Vọng Lư sơn bộc bố.
- + Phong Kiều dạ bạc.

Có 2 bài làm theo thể cổ phong:

- + Tĩnh dạ tứ.
- + Mao ốc vị thu phong sở phá ca.

(Tránh nhầm lẫn coi “Tĩnh dạ tứ” làm theo thể Đường luật tuy cũng 4 câu).

#### *a. Học thơ Đường là dịp để bồi dưỡng từ Hán Việt:*

Điều cần chú ý: Bản thân các chữ trong 5 bài thơ Đường chỉ là phiên âm chữ Hán. Phần lớn các chữ đó khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. Bởi vậy sẽ rất sai lầm nếu nói 4 bài thơ Đường là từ Hán Việt.



Khi phân tích cho học sinh những văn bản này cần chỉ rõ cho học sinh sự khác nhau giữa phiên âm chữ Hán và từ Hán Việt để bồi dưỡng sâu sắc hơn cho học sinh về từ Hán Việt, tích hợp với phân môn Tiếng Việt.

Ví dụ: - “Vọng Lư sơn bộc bố” (Xa ngắm thác núi Lư) – Lý Bạch.

Phiên âm: Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên  
 Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.  
 Phi lưu trực há tam thiên xích,  
 Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Giải nghĩa: **Nhật**: mặt trời (ngày); **chiếu**: chiếu sáng, soi sáng; **Hương Lô**: tên đỉnh núi; **sinh**: làm nảy sinh, sinh ra; **tử**: màu đỏ tía; **yên**: khói.

Các từ phiên âm: **nhật**, **tử**, **yên** khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. (**Nhật**: nhật kí, nhật báo, sinh nhật...; **Tử**: tử trận, công tử, tử thi...)

***B. Khi dạy thơ Đường, cần có ý thức đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán (phiên âm) với bản dịch thơ (Không phải chỉ thơ Đường mà ngay cả thơ trung đại Việt Nam viết bằng chữ Hán).***

Qua việc đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán (phiên âm) với bản dịch thơ cho học sinh thấy việc dịch thuật (dịch thơ) là một quá trình lao tâm khổ tứ. Đây là dịp bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy so sánh ý thức tối thiểu: Làm khoa học phải bám vào sự kiện mà sự kiện đối với tác phẩm văn học nước ngoài là nguyên tác. Dù một nhận xét nhỏ khi so sánh đối chiếu cũng đáng biểu dương.

Hơn nữa, dịch thơ do chịu áp lực của thể loại, vần nhịp... Nên đôi khi chưa thoát hết thần thái của nguyên tác.

***c. Khi phân tích thơ Đường, cần chú ý cấu trúc và các “nhãn tự” là chìa khoá để giải mã bài thơ:***

\* **Cấu trúc**: Cách mở bài và kết bài của thơ Đường chúng rất hay đọng lại dư vị chung toàn bài. Câu kết thường biểu hiện âm hưởng chủ đạo toàn bài.

Ví dụ: Bài “Hồi hương ngẫu thư”

“Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi,

Hương âm vô cái, mấn mao tồi.

Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,

Tiểu vấn: Khách tòng hà xứ lai?”

Sau khi phân tích, giáo viên cần cho học sinh thấy sự khác nhau khi biểu hiện tình cảm quê hương ở hai câu đầu và câu cuối. (Câu hỏi 4 / Sgk trang 27).

+ Giọng điệu âm hưởng hai câu thơ đầu: Giọng tự sự khách quan bình thản hơi man mác buồn. Thời gian xa quê đã lâu nên có nhiều thay đổi. Khi ra đi thời trẻ, lúc trở về đã già, tuy giọng quê không đổi nhưng tuổi tác, mái đầu đổi tóc sương pha nên không ai nhận ra nữa. Nhà thơ thay đổi nhưng quê hương cũng đổi thay. Giờ đây lớp người già ra đi chỉ còn nhi đồng ra đón.

+ Giọng điệu câu kết: Bên ngoài có vẻ vui tươi nhưng bên trong tâm trạng thi nhân là một nỗi buồn: Trẻ -nhi đồng ra đón, nơi chôn nhau cắt rốn mà coi như khách – người xa lạ.

=> âm hưởng ngậm ngùi, giọng điệu bi hài ẩn sau lời tự sự khách quan, hóm hỉnh.

\* **Vấn đề “nhãn tự” trong câu thơ:** Đây chính là tiêu điểm cần khai thác.

-Trong ba bài tuyệt cú các “nhãn tự” đều là động từ.

+ Ví dụ: Bài “Vọng Lư sơn bộc bố” từ “**sinh**” “**quải**”, “**lạc**”,

“Nhật chiếu Hương Lô **sinh** tử yên”

-> Dịch nghĩa: Mặt trời chiếu núi Hương Lô **sinh** làn khói tía.

“Dao khan bộc bố **quải** tiền xuyên”.

-> Dịch nghĩa: Xa nhìn dòng thác **treo** trên dòng sông phía trước (Lấy tĩnh tả động)

Bản dịch thơ: “Xa trông dòng thác trước sông này” bỏ mất từ “**treo**” này.

Thác nước cao, trông xa như treo trước dòng sông. Gợi như dải lụa khổng lồ bởi chỉ có dải lụa mới treo được chứ làm sao treo được dòng thác đang chảy

=> Ý ca ngợi thiên nhiên hùng vĩ, phi thường.

“Nghị thị ngân hà **lạc** cửu thiên”

-> Dịch nghĩa: Ngõ là sông ngân **roi** tự chín tầng mây.

+ Ví dụ: Trong bài “Tĩnh dạ tứ” từ “**cử**”, “**đê**”.

“**Cử** đầu vọng minh nguyệt”: **Ngẩng** đầu nhìn trăng sáng.

“**Đê** đầu tư có hương”: **Cúi** đầu nhớ cố hương.

+ Ví dụ: Bài “Hồi hương ngẫu thu” từ “**hồi**”, “**tiểu**”, “**vấn**”.

“Thiếu tiểu li gia, lão đại **hồi**”: Rời nhà từ lúc còn trẻ, già mới **quay về**,

“**Tiểu vấn**: Khách tòng hà xứ lai?”: **Cười hỏi**: Khách ở nơi nào đến ?

-Chỉ có thể phân tích sâu sắc những từ chìa khoá ấy mới làm nổi bật được cái thần của bài thơ. Đây được xem là “mã văn hoá”. Tuy nhiên, giải nghĩa của “nhãn tự” luôn đòi hỏi phải đặt nó vào mạch cảm xúc toàn bài, không nên cắt nghĩa quá vụn vặt bởi lẽ điều này sẽ làm trái với nguyên tắc thơ Đường:

+ Thi bất đạt hồ: Thơ không thể chẻ nhỏ.

+ Thi bất nhĩ tướng dã: Thơ không nên giải thích rõ ràng minh bạch.

+ Dã bất khả tận dã: Thơ không giải thích cùng kiệt.

#### ***d. Chú ý khai thác nghệ thuật đối trong thơ Đường:***

Đối là một biện pháp tu từ, tạo nên sự hài thanh và cân chỉnh, tăng hiệu quả biểu đạt. Đối bao gồm:

\*- **Đối thanh**: Bằng đối với Trắc theo yêu cầu niêm, luật ở các tiếng 2,4,6.

- Ví dụ: Bài “Vọng Lư sơn bộc bố”

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

**T**                    **B**            **T**

Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.

**B**                    **T**            **B**

Phi lưu trực há tam thiên xích,

**B**                    **T**            **B**

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

**T**                    **B**            **T**

=> Vẻ đẹp “thi trung hữu nhạc” (trong thơ có nhạc)

\*- **Đối ý**: (Không nên hiểu là phải có ý đối lập mà có thể là đối tượng liên ý bổ sung). Đối với Đường luật, cặp câu giữa (câu 2 và 3) buộc phải đối, gọi là bình đối; còn về trước đối với về sau gọi là tiểu đối.

+ Ví dụ: Trong bài “Hồi hương ngẫu thư”:

Câu 1: “**Thiếu** tiêu li gia, **lão** đại hồi”: Rời nhà từ lúc còn **trẻ**, **già** mới quay về (tiêu đối)

Câu 2: “**Hương âm vô cái**, **mấn mao tòi**”: **Giọng quê không đổi**, nhưng **tóc mai đã rụng**.

Chỉnh cả ý lẫn lời: (Hương âm: **Giọng quê** – mấn mao: **tóc mai**)

(Vô cái: không đổi - tòi: hông, rơi rụng) => Chỉ cái thay đổi)

Chức năng ngữ pháp: vô cái, tòi làm vị ngữ.

\*- **Đối từ**: Danh từ với danh từ, tính từ đối với tính từ...

**Lưu ý**: Đối từ, đối ý là yêu cầu bắt buộc đối với thơ thất ngôn bát cú Đường luật, cụ thể là ở liên 2 và liên 3 (liên là các cặp câu 1 và 2, 3 và 4). Còn đối với tuyệt cú thì không nhất thiết.

Ngoài đối thơ Đường luật còn có một số chi tiết nghệ thuật cần chỉ rõ:

\***Niêm**: “**Niêm**” có nghĩa là dính với nhau. Nếu luật quy định bằng trắc theo chiều ngang, thì niêm là quy định bằng trắc theo chiều dọc để gắn liền với các cặp câu lại và tránh đơn điệu. Do có luật “Nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh” nên người ta chỉ quy định tiếng thứ hai ở câu 1 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 8, tiếng thứ hai ở câu 2 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 3, tiếng thứ hai ở câu 4 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 5, tiếng thứ hai ở câu 6 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 7.

Tóm lại, niêm là tiếng thứ hai của các câu sau đây phải cùng thanh: 1-8 ,2-3, 4-5 ,6-7 → Nếu làm sai quy định gọi là thất niêm.

**e. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý kết cấu (bố cục):**

Thơ Đường là loại thơ có **cách luật** chặt chẽ nhất. Về **kết cấu** bài thơ thất ngôn bát cú gồm các phần sau:

↗ Phá đề

↗ Đề: cặp câu 1-2    ↘ Thừa đề

4 phần:    → Thực: Cặp câu 3-4

↘ Luận: Cặp câu 5-6

↘ Kết: Cặp câu 7-8

- Đề: cặp câu 1-2: Câu 1 gọi là **phá đề**: Nói lên ý tổng quát được biểu thị ở đầu đề bài thơ. Câu 2 gọi là **thừa đề**: Chuyển ý thơ đi sâu thêm một bước vào nội dung (theo sự xác định của đầu đề).

- Thực: Cặp câu 3- 4: Đi sâu phát triển nội dung ý nghĩa được nêu ở đầu đề.

- Luận: Cặp câu 5- 6: Bày tỏ tình ý luận bàn của người là thơ.

- Kết: Cặp câu 7- 8: Gói gém tình ý, quay về ý chính của đề; khắc họa sâu hơn, khái quát hơn.

**g. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý các yếu tố ngoài văn bản:**

Trong quá trình phân tích (hoàn cảnh sáng tác, tác giả, thể loại) là vô cùng quan trọng.

Cần cho học sinh đọc kỹ chú thích \* để làm cơ sở phân tích, đánh giá tác phẩm.

Ví dụ: Bài “Mao ốc vị thu phong sở phá ca”. (Trang 132- Ngữ văn 7, tập 1)

- Tác giả: Đỗ Phủ (712-770) là nhà thơ nổi tiếng đời Đường của Trung Quốc, tự là Tử Mĩ, hiệu Thiếu Lăng, quê ở tỉnh Hà Nam. Có một thời gian ngắn ông làm quan nhưng gần như suốt đời sống trong cảnh đau khổ, bệnh tật. Năm 755, tướng An Lộc Sơn nổi dậy chống triều đình. Để tránh hiểm họa, vả lại cũng không được nhà vua tín nhiệm, năm 759, ông từ quan, đưa gia đình về vùng Tây Nam, một thời gian sống ở Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên.

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 760, được bạn bè và người thân giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được một nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía tây Thành Đô. Đỗ Phủ vừa ở nhà mới được mấy tháng thì căn nhà đã bị gió phá nát. Bài ca nhà tranh bị gió thu phá là một tác phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. Bút pháp hiện thực cũng như tinh thần nhân đạo cao cả của bài thơ đã ảnh hưởng khá sâu sắc đến thơ ca Trung Quốc đời sau.

- Thể loại: thể thơ cổ thể

**\* Sau đây là kế hoạch bài dạy cho một tiết dạy minh họa cụ thể về một bài thơ Đường luật trong chương trình Ngữ văn 7/ tập 1( tiết soạn không thể**

*thực hiện tất cả các nội dung nói trên song phần nào cũng thể hiện được nội dung cơ bản ).*

### TÊN BÀI DẠY :

## NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỒI MỚI VỀ QUÊ

### **I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:** tình cảm quê hương bền chặt, sâu nặng của nhà thơ chợt nhói lên trong một tình huống ngẫu nhiên, bất ngờ ghi lại một cách hóm hỉnh trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật.

- Thấy được tác dụng của nghệ thuật đối và vai trò của câu cuối trong bài thơ tứ tuyệt.

- Bước đầu tập so sánh bản dịch thơ và phiên âm

### **2. Về năng lực:**

a. Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực đọc diễn cảm, hiểu nghĩa của từ phiên âm chữ Hán, cảm thụ thẩm mỹ.

**3. Về phẩm chất:** Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ

### **III. Thiết bị dạy học và học liệu :**

**1. Giáo viên :** Kế hoạch bài dạy

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, một số bài thơ Đường có cùng chủ đề

**2. Học sinh :** đọc, nghiên cứu, soạn bài theo câu hỏi SGK

### **III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1 : Mở đầu**

- **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, tạo tâm thế, định hướng chú ý của hs.

- **Nội dung:** câu hỏi kiến thức đã học, giới thiệu bài mới

- **Sản phẩm** : câu trả lời miệng của học sinh

- **Tổ chức thực hiện** :

\* Chuyển giao nhiệm vụ :

Gv: Đọc thuộc phần phiên âm và phần dịch thơ của bài: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh và cho biết tình cảm của nhà thơ ?

\***Thực hiện nhiệm vụ** :

- Hs tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

\* **Báo cáo kết quả** :

- Dự kiến sản phẩm : phần trả lời của hs

\* **Đánh giá kết quả** :

- Hs nhận xét ,đánh giá,bổ sung

- Gv nhận xét ,ghi điểm

- GV đánh giá,giới thiệu bài mới:

==> Tình cảm đối với quê hương là tình cảm thường trực, sâu nặng trong mỗi con người. Nó thường được thể hiện rõ nhất đối với những người con xa xứ. Vậy khi đi xa được trở về quê hương thì con người thường có cảm xúc gì? Hạ Tri Chương khi trở về quê sẽ mang những tâm tư gì? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài thơ “Hồi hương ngẫu thư” của ông.

## **2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS</b>	<b>NỘI DUNG</b>
<p><b>HD1: HDHS tìm hiểu chung</b></p> <p>- <b>Mục tiêu:</b> Nắm được tiểu sử của tác giả Hạ Tri Chương</p> <p>+Nắm được hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ</p> <p>+Rèn cho hs kỹ năng làm việc cá nhân, cách đọc diễn cảm thơ</p> <p>-<b>Nội dung</b> : tìm hiểu chú thích sgk</p> <p>- <b>Sản phẩm</b> : Trình bày miệng cá nhân</p> <p>- <b>Tổ chức thực hiện</b> :</p>	<p><b>I. <u>Tìm hiểu chung</u> :</b></p>

<p><b>GV:</b> gọi hs đọc chú thích *</p> <p>? Dựa vào phần chú thích, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả Hạ Tri Chương?</p> <p>? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?</p> <p>So sánh thể thơ giữa nguyên tác với bản dịch?</p> <p>Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh: trả lời, đọc.</li> <li>- Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu.</li> </ul> <p><b>HS:</b> Hạ Tri Chương (659-744).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là 1 trong những thi sĩ lớn của thời Đường.</li> <li>- Thơ của ông thanh đạm, nhẹ nhàng, gợi cảm, biểu lộ 1 trái tim nhân hậu đáng yêu.</li> </ul> <p><b>GV giới thiệu thêm :</b> Hạ Tri Chương đỗ tiến sĩ năm 36 tuổi và làm quan 50 năm dưới triều vua Đường Huyền Tông. Đến năm 86 tuổi mới cáo quan nghỉ hưu, trở về quê hương. Vừa đặt chân tới làng thì gặp 1 sự việc bất ngờ khiến ông xúc động. Thế là ông ngẫu hứng viết bài thơ này.</p> <p><b>GV hướng dẫn đọc:</b> giọng chậm, buồn, câu 3 đọc giọng hơi ngạc nhiên, câu 4 giọng hỏi, cao hơn và hơi nhấn mạnh thêm 1 chút ở các tiếng: nào, chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhịp 4/3 hoặc 2/5</li> </ul> <p><b>GV: chú thích nhan đề</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hồi hương : trở về quê</i></li> <li>- <i>Ngẫu hương : ngẫu nhiên viết , không chủ động viết (nâng cao ý nghĩa của tác</i></li> </ul>	<p><b>1. <u>Tác giả :</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạ Tri Chương (659-744).</li> <li>- Là 1 trong những thi sĩ lớn của thời Đường.</li> <li>- Thơ của ông thanh đạm, nhẹ nhàng, gợi cảm, biểu lộ 1 trái tim nhân hậu đáng yêu.</li> </ul> <p><b>2. <u>Tác phẩm:</u></b></p> <p><b>a. <u>Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ được viết khi ông cáo quan về quê .</li> <li>- Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt.</li> <li>- Bản dịch: thơ lục bát</li> </ul> <p><b>b. <u>Đọc, chú thích, bố cục:</u></b></p>
---	--



<p><i>phẩm)</i></p> <p><b>HS:</b> <i>phiên âm – thơ thất ngôn tứ tuyệt</i></p> <p><i>Bản dịch thơ : thơ lục bát</i></p> <p><b>GV:</b> có 2 bản dịch thơ, cả 2 bản đều dịch theo thể thơ lục bát. Khi dịch thơ đường luật thường phải đảm bảo 2 vấn đề: thể loại và nghĩa. Để đảm bảo được cả 2 vấn đề này thì rất khó, có bản dịch đảm bảo được thể loại thì ý không sát, có bản dịch sát nghĩa so với phần phiên âm thì không đảm bảo được về thể loại.</p> <p>Trong số rất nhiều bản dịch thì 2 bản dịch thơ ta đang tìm hiểu là sát nghĩa nhất.</p> <p><b>GV:</b> Dựa vào số câu, số tiếng trong bài thơ, em hãy cho biết bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào ? Nhắc lại đặc điểm của thể thơ :</p> <p><b>HS:</b> <i>Thất ngôn tứ tuyệt</i></p> <p>- <i>Bài thơ gồm 4 câu, mỗi câu 7 tiếng, gieo vần ở tiếng cuối các câu :1,2,4</i></p> <p><b>GV:</b> hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản theo bố cục 2 phần</p> <p>- Hai câu đầu – hai câu cuối</p>	<p>- Đọc</p> <p>- Chú thích</p> <p>-<b>Bố cục</b> : 2 phần</p>
<p><b>Hoạt động 2:</b> HDHS Tìm hiểu văn bản</p> <p>- <b>Mục tiêu:</b> Nắm được nội dung tâm tư ,tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài thơ</p> <p>-<b>Nội dung</b> : câu hỏi ,yêu cầu của gv</p> <p>- <b>Sản phẩm</b> : phiếu học tập nhóm</p> <p>- <b>Tổ chức thực hiện</b> :</p> <p>* <b>Chuyển giao nhiệm vụ</b> :</p>	<p><b>II. Đọc ,hiểu văn bản</b></p> <p><b>1.Hai câu đầu (Khai -thừa)</b></p>

**GV:?** Hai câu thơ đầu là tả hay kể ? Kể và tả về ai, về những vấn đề gì?

? Em hiểu thế nào là giọng quê?

? Giọng quê không đôi điều đó có ý nghĩa gì?

? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

HS trả lời:

- Là chất quê, hồn quê biểu hiện trong giọng nói của con người

- Kể và tả về bản thân

- Vẫn giữ được bản sắc quê hương, không thay đổi

- NT: Thiếu tiểu li gia >< lão đại hồi

Lúc trẻ rời nhà đi >< già mới quay về (Trẻ nhỏ) >< (già lớn)

(Đi) >< (trở lại, về)

Hương âm vô cải >< mấn mao tòi

Giọng quê không đổi >< túc mai rụng

Hương âm >< mấn mao

Giọng quê >< túc mai

Vô cải >< tòi

(Không đổi) >< (hồng, rụng)

Đổi giữa các vế trong câu gọi là tiểu đối -

Vừa làm cho câu văn cân đối, nhịp nhàng,

vừa khái quát được quãng đời xa quê và

làm nổi bật sự thay đổi về vóc dáng và tuổi

tác, đồng thời bước đầu hé lộ tình cảm quê

hương của nhà thơ

**Sử dụng phép đối (tiểu đối): 2 vế trong một câu đối nhau**

+ Khi đi trẻ, > < lúc về già,

Giọng quê vẫn thế, > < tóc đà khác bao.

→ Bằng lời kể, câu tả, hai câu thơ đã cho ta thấy tác giả xa quê lâu, khi trở về tuổi tác, vóc dáng, mái tóc của nhà thơ đã thay đổi, nhưng giọng nói quê hương thì vẫn không thay đổi; làm nổi bật tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương .

**GV:** Em có nhận xét gì về các hình ảnh, chi tiết được kể và tả ở đây? Tác dụng của nó?

**HS:** trả lời

**GV:** Xa quê lâu, ở con người nhà thơ, cái gì thay đổi theo thời gian, cái gì không đổi?

**HS:** *Mái tóc đã thay đổi theo thời gian, còn giọng quê thì không thay đổi*

**GV giảng :** Câu 1 là tự sự để biểu cảm, còn câu 2 là miêu tả để biểu cảm. Đây là phương thức bộc lộ tình cảm 1 cách gián tiếp. Ngôn từ và hình ảnh cứ nhẹ nhàng cất lên 1 cách thắm thía biết bao cảm xúc, nghe như đằng sau có tiếng thở dài. Nhà thơ nhìn thấy quê hương, cất tiếng nói theo giọng của quê hương, rồi tự ngắm mình, thấy mình thay đổi nhiều quá trước quê hương, làng xóm.

**HS:** *đọc 2 câu cuối.*

**GV:** Hai câu này là kể hay tả? Kể việc gì?

**HS:** *Kể chuyện khi về tới làng quê.*

**GV:** Khi vừa về đến làng hình ảnh đầu tiên mà tác giả gặp là ai? Vì sao tác giả lại kể về bọn trẻ con?

**HS:** *Bọn trẻ là người làng, là sự sống của làng, là hình ảnh tương lai của làng, chúng chân thật, hồn nhiên*

**GV:** Với tác giả, ấn tượng rõ nhất của bọn trẻ là gì?

**HS:** *thấy lạ không chào mà lại hỏi*

**GV:** Tại sao với tác giả đó là ấn tượng rõ

## **2. Hai câu cuối (Chuyển - Hợp):**

Nhi đồng ... bất tương thức,

Tiểu vân: Khách ... xú lai?

- Kể chuyện khi về tới làng quê.

-> Hình ảnh bọn trẻ gợi nhớ thời niên thiếu và gợi bản sắc tốt đẹp của quê hương.

-> Gợi nỗi buồn vì xa quê quá lâu, thành ra xa lạ với quê.

=> Biểu hiện tình cảm quê

<p>hát?</p> <p><b>HS:</b> <i>ảnh bạn trẻ gợi nhớ thời niên thiếu và gợi bản sắc tốt đẹp của quê</i></p> <p><b>GV:</b> Tác giả kể chuyện khi mới về làng để nhằm mục đích gì?</p> <p><b>HS:</b> <i>Biểu hiện tình cảm quê hương thấm thiết, bền bỉ.</i></p> <p><b>*Báo cáo kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình</li> <li>- Học sinh khác bổ sung</li> </ul> <p><b>*Đánh giá kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</li> <li>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<p>hương thấm thiết, bền bỉ.</p>
<p><b><u>Hoạt động 3: HDHS tổng kết</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mục tiêu:</b> Nắm được nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ</li> <li>- <b>Nội dung :</b> phân ghi nhớ</li> <li>- <b>Sản phẩm :</b> Trình bày miệng cá nhân</li> <li>- <b>Tổ chức thực hiện :</b></li> </ul> <p><b>*Chuyển giao nhiệm vụ :</b></p> <p><b>GV:</b> Chỉ ra các biện pháp NT độc đáo mà tác giả đã sử dụng? Tình cảm của tác giả biểu lộ qua bài thơ này NTN?</p> <p><b>* Thực hiện nhiệm vụ :</b></p> <p><b>HS :</b> trả lời</p> <p><b>GV-Liên hệ giáo dục</b> Tình yêu quê hương đất nước- nơi chôn nhau cắt rốn của mỗi con người.</p>	<p><b>III. Tổng kết:</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các yếu tố tự sự, miêu tả.</li> <li>- Cấu tứ độc đáo.</li> <li>- Có giọng điệu bi hài thể hiện ở hai câu cuối.</li> <li>- Sử dụng biện pháp tiểu đối hiệu quả.</li> </ul> <p><b>2. Nội dung :</b> Tình quê hương là một trong những tình cảm lâu bền và thiêng liêng nhất của con người.</p>

<p><b>*Báo cáo kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình</li> <li>- Học sinh khác bổ sung</li> </ul> <p><b>*Đánh giá kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung</li> <li>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	
---	--

### **3.Hoạt động 3: Luyện tập**

- **Mục tiêu:** Nắm kiến thức vận dụng vào làm bài tập
- **Nội dung :** câu hỏi phần luyện tập
- **Sản phẩm :** Trình bày miệng cá nhân
- **Tổ chức thực hiện :**
  - GV hướng dẫn hs làm bài tập
  - HS : thực hiện nhiệm vụ

### **4.Hoạt động 3: Vận dụng**

- **Mục tiêu:** Nắm kiến thức vận dụng vào làm bài tập
- **Nội dung :** câu hỏi phần luyện tập
- **Sản phẩm :** Trình bày miệng cá nhân
- **Tổ chức thực hiện :**
  - GV :? Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?
  - HS : thực hiện nhiệm vụ

### **2.4. Kết quả đạt được:**

Khi áp dụng phương pháp này, qua kiểm tra chất lượng bài 15 phút và giữa kì I, tôi thu được kết quả như sau: (Lớp 7A1 áp dụng còn 7A2 không áp dụng phương pháp dạy trên)

Lớp	Tổng số HS	Xếp loại ( số lượng và tỉ lệ %)				
		Giỏi	Khá	T. bình	Yếu	Kém
7A1	39	7=17,9 %	13 = 33,3%	17=43,7%	2=5,1%	0=0%
7A2	37	0= 0%	7=18,9%	19=51,4%	8 =21,6%	3=8,1%

### **3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **3.1. Kết luận**

Do yêu cầu tích hợp ( Văn – Tiếng Việt – Làm văn) và tính chất 2 vòng của chương trình nên chương trình ngữ văn 7 (nhất là phân môn Văn) có nhiều đổi mới so với chương trình cũ. Việc đưa thơ ca Trung đại và thơ Đường vào chương trình ngữ văn 7 (trước đây là ở lớp 9) với mục đích cung cấp, trang bị cho học sinh những kiến thức thật chắc để chuẩn bị cho việc nâng cao ở vòng 2.

Như chúng ta đã biết, bản thân mỗi tác phẩm văn học luôn tiềm ẩn những vấn đề và cần có những phương pháp nghiên cứu cho phù hợp. Khi vấn đề được phát hiện là đã có sự lao động của giáo viên. Tuy nhiên, chỉ thông báo vấn đề hay chỉ ra phương pháp để học sinh tự tìm hiểu là phụ thuộc vào cách dạy của mỗi giáo viên. Việc đưa ra những phương pháp như trên tôi đã nêu chỉ là mặt hình thức, còn việc thực hiện những cách này trong giờ học thì phải đòi hỏi một *nghệ thuật sư phạm tổng hợp*. Phải tạo ra cho học sinh một **tâm thế thoải mái, hứng thú, sẵn sàng hợp tác để đi vào khám phá sự kỳ diệu trong tác phẩm**. Càng tự mình khám phá để đi đến nhận xét, kết luận thì học sinh sẽ càng nắm vững tri thức và càng hứng khởi hơn. Nói nó là một *nghệ thuật sư phạm tổng hợp* vì nhiều vấn đề lại gồm những vấn đề nhỏ hơn. Các vấn đề nhỏ hơn lại có mối quan hệ theo lôgic nhất định. Người giáo viên phải dẫn dắt, khơi gợi học sinh duy trì hứng thú, tìm tòi liên tục, quả thật không đơn giản để hiểu kỹ càng một bài thơ Đường luật.

Do phục vụ yêu cầu *tích hợp* nên *chương trình tích hợp* đã bố trí phù hợp giữa thể loại văn học và kiểu văn bản. *Tiến trình dạy học trên lớp là hệ thống những chuỗi hoạt động cụ thể của thầy và trò để chiếm lĩnh kiến thức bài học. Giáo viên không nên cứng nhắc máy móc mà tùy theo đối tượng dạy mà tổ chức hoạt động cho hợp lý. Đích cuối cùng của các hoạt động là chiếm lĩnh chính thể tác phẩm văn học.*

*Khi dạy thơ Đường - theo ý kiến chủ quan của bản thân, tôi thấy chúng ta nên vận dụng cấu trúc trên để lột tả được nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*

### **3.2. Kiến nghị:**

- Thư viện nhà trường nên bổ sung nguồn tài liệu mới giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp của các tác giả thơ Đường của Trung Quốc.

- Các tài liệu văn học giới thiệu về các giai đoạn phát triển của văn học nước nhà gắn với các giai đoạn lịch sử của dân tộc ta cùng với thời đại nhà Đường của Trung Quốc.

Nam Dong, ngày 02/03/2021

Xác nhận của đơn vị

Tác giả

Nguyễn Thị Hiền

**4. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bồi dưỡng nâng cao Ngữ văn 7, NXB Giáo dục Việt Nam
- Sách giáo khoa và sách giáo viên Ngữ văn 7, NXB Giáo dục Việt Nam
- Tham khảo một số sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy thơ Đường của các đồng nghiệp .
- Thi pháp thơ Đường – NXB Trẻ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Kính gửi : Hội đồng sáng kiến huyện Cư Jút

Hội đồng sáng kiến tỉnh Đắk Nông

1. Tôi là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả (nếu có))
1	Nguyễn Thị Hiền	30/08/1979	Trường THCS Nguyễn Tất Thành, Cư Jút, Đắk Nông	Giáo viên	ĐHSP	100 %

2. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến : Nguyễn Thị Hiền - giáo viên Trường THCS Nguyễn Tất Thành, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Mô tả sáng kiến :

3.1. Tên sáng kiến: **“Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình Ngữ Văn 7”**.

3.2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Chuyên môn

3.3. Đánh giá hiện trạng các giải pháp trước khi áp dụng giải pháp mới

\*Về phía nội dung chương trình thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

Phần nội dung chương trình Ngữ văn 7 kì I có nhiều bài thơ Đường của thời nhà Đường (Trung Quốc ) rất tiêu biểu, đặc sắc. Trước đây, một số bài thơ này được học trong chương trình 9 nhưng theo quan điểm đổi mới, các tác phẩm này đã được đưa xuống chương trình văn 7. Vì vậy để học sinh nắm được cái thần của bài thơ, hiểu được ý nghĩa sâu xa của bài thơ quả là rất khó.

\*Về phía học sinh:

Nhiều học sinh tỏ ra ngại học phần thơ Đường, không hứng thú, nhất là các bài thơ có bản phiên âm chữ Hán... Nhiều học sinh chưa có thói quen chủ động tìm hiểu khám phá bài học, còn thờ ơ, lãnh đạm với tác phẩm văn chương, nhất là thơ, thường ít hiểu, ít yêu thơ. Các em học các bài thơ trong sách giáo khoa cũng bình thường như các bài học khác, ít em có một quyển sổ

đẹp để chăm chút viết vào đây những bài thơ hay mà mình yêu thích. Đối với nhiều em, thế giới thơ còn là một thế giới xa lạ. Nếu có ai hỏi các em về những bài thơ hay mà các em thích, thường khi hiểu biết của các em quanh quẩn cũng không ngoài các bài thơ đã học trong sách giáo khoa và sở dĩ các em thấy hay vì có in trong sách giáo khoa và thầy giáo bảo vậy. Cá biệt không phải không có em “sợ” thơ, bởi vì có những bài thơ có phiên âm chữ Hán, từ ngữ khó hiểu, điển cố nặng nề gây cho các em nhiều mệt nhọc, mà cách giảng của người thầy nhiều lúc cũng chưa làm cho các em hiểu rõ và thấy hay thêm được chút nào. Từ đó học sinh mất hứng thú khi học văn và kéo theo chất lượng học văn ngày càng sa sút.

Tuy xã hội phát triển cùng với những thông tin đại chúng như internet nhưng các em tiếp xúc không phải thay vì tìm kiếm những tác phẩm văn chương hay để đọc mà chủ yếu để kết bạn, nghiện những trò chơi hấp dẫn hiện đại điều này không chỉ khiến các em ngày càng học yếu mà còn xa vào các tệ nạn xã hội.

\*Về phía giáo viên:

Với những văn bản thơ chữ Hán, một số giáo viên khi phân tích chủ yếu hướng dẫn các em phân nhiều bám vào bản dịch thơ mà sao nhãng hoặc quên lãng bản phiên âm (bản gốc), HS không thể nhớ nổi một từ hay một câu thơ trong bản gốc.

Tiếp cận với những bài thơ mỹ lệ, mang tính mẫu mực, một số giáo viên tham phần bình, bình quá nhiều khiến thiếu thời gian để học sinh phát huy năng lực sáng tạo của mình trong quá trình cảm nhận.

Một số giáo viên lại chỉ chú ý đến hệ thống câu hỏi mà chưa chú ý đến phần bình, giờ dạy khô khan, điều đó khiến cho năng lực cảm thụ cái hay cái đẹp của tác phẩm với học sinh chưa hoàn toàn đúng mức.

\* Các nhân tố khác:

Bên cạnh đó, thế kỉ 21 Hội nhập toàn cầu, đời sống kinh tế xã hội phát triển, những môn học thời thượng (Toán, Lý, Hoá, Tin học, Ngoại ngữ...) quan trọng hơn bao giờ hết thì văn chương không có tính năng ứng dụng, tương lai người học không được đảm bảo, học sinh ngày càng xa rời văn chương. Đặc biệt, một thực tại mà giáo viên nào cũng nhận thấy: Sách tham khảo, sách hướng dẫn để học tốt, sách chuẩn kiến thức, những bài văn mẫu, điện thoại thông minh, máy vi tính... quá nhiều, vô hình dung đã làm cho học sinh bỏ rơi sách giáo khoa, học sinh tỏ ra biết đầy đủ nội dung tác phẩm văn chương được học dựa vào bài soạn ở nhà nhưng chưa một lần đọc bài văn, bài thơ trong sách giáo khoa, thầy có kiểm tra phát vấn thì các loại sách tham khảo nghĩ hộ, nói hộ tất cả và khi giáo viên ra đề kiểm tra coi nghiêm túc thì tất thầy đã phơi bày ra, học sinh không thích, không có hứng thú học văn.

Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy hầu như các em không có hứng thú với thể loại thơ Đường hỏi gì các em cũng không biết và tỏ thái độ không hợp tác, toàn chú ý đi nơi khác.

3.5. Nội dung cơ bản của giải pháp:

### **3.5.1. Thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7 :**

\*Có 5 bài thơ Đường ( 3 bài học chính và 2 bài đọc thêm):

-“Vọng Lư sơn bộc bố” ( Xa ngắm thác núi Lư ) – Lý Bạch.

-“ Tĩnh dạ tứ” (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh) – Lý Bạch.

-“ Hồi hương ngẫu thư”(Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê) – Hạ Tri Chương.

-“ Mao ốc vị thu phong sở phá ca” ( Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) - Đỗ Phủ.

-“ Phong Kiều dạ bạc” (Đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều) – Trương Kế.

\*So với thơ Đường trong sách giáo khoa lớp 9 cũ đã giảm rất nhiều cho phù hợp với lớp 7. Sách giáo khoa lớp 9 trước đây, thơ Đường dạy cô lập nhưng giờ đây tiếng Việt, làm văn đều dùng ngữ liệu thơ Đường không chỉ để khắc họa kiến thức mới mà còn làm đề luyện tập.

### 3.5.2. Đặc điểm của 5 bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7 :

Có 3 bài làm theo thể thất ngôn tuyệt cú Đường luật :

+ Hồi hương ngẫu thư.

+ Vọng Lư sơn bộc bố.

+ Phong Kiều dạ bạc.

Có 2 bài làm theo thể cổ phong :

+ Tĩnh dạ tứ.

+ Mao ốc vị thu phong sở phá ca.

(Tránh nhầm lẫn coi “Tĩnh dạ tứ” làm theo thể Đường luật tuy cũng 4 câu).

### 3.6. Các bước thực hiện giải pháp

#### 3.6.1. Học thơ Đường là dịp để bồi dưỡng từ Hán Việt:

- Điều cần chú ý: Bản thân các chữ trong 5 bài thơ Đường chỉ là phiên âm chữ Hán. Phần lớn các chữ đó khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. Bởi vậy sẽ rất sai lầm nếu nói 4 bài thơ Đường là từ Hán Việt.

- Khi phân tích cho học sinh những văn bản này cần chỉ rõ cho học sinh sự khác nhau giữa phiên âm chữ Hán và từ Hán Việt để bồi dưỡng sâu sắc hơn cho học sinh về từ Hán Việt, tích hợp với phân môn Tiếng Việt.

Ví dụ: -“Vọng Lư sơn bộc bố” ( Xa ngắm thác núi Lư ) – Lý Bạch.

Phiên âm: Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.

Phi lưu trực há tam thiên xích,

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Giải nghĩa: **Nhật** : mặt trời (ngày) ; **chiếu** : chiếu sáng , soi sáng ; **Hương Lô**: tên đỉnh núi; **sinh**: làm nảy sinh, sinh ra ; **tử** : màu đỏ tía ; **yên** : khói .

Các từ phiên âm: **nhật, tử, yên** khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. (**Nhật**: nhật kí, nhật báo, sinh nhật...; **Tử** : tử trận, công tử, tử thi...)

#### 3.6.2. Khi dạy thơ Đường, cần có ý thức đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán ( phiên âm ) với bản dịch thơ ( Không phải chỉ thơ Đường mà ngay cả thơ trung đại Việt Nam viết bằng chữ Hán).

Qua việc đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán ( phiên âm ) với bản dịch thơ cho học sinh thấy việc dịch thuật (dịch thơ) là một quá trình lao tâm khổ tứ. Đây là dịp bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy so sánh ý thức tối thiểu:

Làm khoa học phải bám vào sự kiện mà sự kiện đối với tác phẩm văn học nước ngoài là nguyên tác. Dù một nhận xét nhỏ khi so sánh đối chiếu cũng đáng biểu dương.

Hơn nữa, dịch thơ do chịu áp lực của thể loại, vần nhịp... Nên đôi khi chưa toát hết thần thái của nguyên tác.

### 3.6.3. Khi phân tích thơ Đường, cần chú ý cấu trúc và các “nhãn tự” là chìa khoá để giải mã bài thơ:

\* **Cấu trúc** : Cách mở bài và kết bài của thơ Đường chúng rất hay đọng lại dư vị chung toàn bài. Câu kết thường biểu hiện âm hưởng chủ đạo toàn bài.

Ví dụ : Bài “ Hồi hương ngẫu thư”

“ Thiều tiều li gia, lão đại hồi,  
Hương âm vô cải, mấn mao tồi.  
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,  
Tiểu vấn : Khách tòng hà xứ lai ?”

Sau khi phân tích, giáo viên cần cho học sinh thấy sự khác nhau khi biểu hiện tình cảm quê hương ở hai câu đầu và câu cuối. ( Câu hỏi 4 / Sgk trang 27 ).

+ Giọng điệu âm hưởng hai câu thơ đầu: Giọng tự sự khách quan bình thản hơi man mác buồn. Thời gian xa quê đã lâu nên có nhiều thay đổi. Khi ra đi thời trẻ, lúc trở về đã già, tuy giọng quê không đổi nhưng tuổi tác, mái đầu đôi tóc sương pha nên không ai nhận ra nữa. Nhà thơ thay đổi nhưng quê hương cũng đổi thay. Giờ đây lớp người già ra đi chỉ còn nhi đồng ra đón.

+ Giọng điệu câu kết : Bề ngoài có vẻ vui tươi nhưng bên trong tâm trạng thi nhân là một nỗi buồn : Trẻ -nhi đồng ra đón, nơi chôn nhau cắt rốn mà coi như khách – người xa lạ.

=> âm hưởng ngậm ngùi, giọng điệu bi hài ẩn sau lời tự sự khách quan, hóm hỉnh.

\* **Vấn đề “ nhãn tự” trong câu thơ** : Đây chính là tiêu điểm cần khai thác.

-Trong ba bài tuyệt cú các “nhãn tự” đều là động từ.

+ Ví dụ : Bài “ Vọng Lư sơn bộc bố” từ “sinh” “quải”, “lạc”,  
“ Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên”

-> Dịch nghĩa: Mặt trời chiếu núi Hương Lô **sinh** làn khói tía.

“ Dao khan bộc bố **quải** tiền xuyên”.

-> Dịch nghĩa: Xa nhìn dòng thác **treo** trên dòng sông phía trước ( Lấy tĩnh tả động)

Bản dịch thơ: “Xa trông dòng thác trước sông này” bỏ mất từ “**treo**” này.

Thác nước cao, trông xa như treo trước dòng sông. Gợi như dải lụa khổng lồ bởi chỉ có dải lụa mới treo được chứ làm sao treo được dòng thác đang chảy

=> Ý ca ngợi thiên nhiên hùng vĩ, phi thường.

“ Nghi thị ngân hà **lạc** cửu thiên”

-> Dịch nghĩa: Ngõ là sông ngân **roi** tự chín tầng mây.

+ Ví dụ : Trong bài “ Tĩnh dạ tứ” từ “ **cử**”, “ **đê**”.

“ **Cử** đầu vọng minh nguyệt” : **Ngẩng** đầu nhìn trăng sáng.

“ **Đê** đầu tư có hương” : **Cúi** đầu nhớ cố hương.

+ Ví dụ : Bài “ Hồi hương ngẫu thư” từ “ **hồi**”, “ **tiểu**”, “ **vấn**”.

“ Thiều tiều li gia, lão đại **hồi**” : Rời nhà từ lúc còn trẻ , già mới **quay về**,

“ **Tiểu vấn** : Khách tòng hà xứ lai? ”: **Cười hỏi** : Khách ở nơi nào đến ?  
 - Chỉ có thể phân tích sâu sắc những từ chìa khoá ấy mới làm nổi bật được cái thần của bài thơ. Đây được xem là “ mã văn hoá”. Tuy nhiên, giải nghĩa của “ nhân tự ” luôn đòi hỏi phải đặt nó vào mạch cảm xúc toàn bài, không nên cắt nghĩa quá vụn vặt bởi lẽ điều này sẽ làm trái với nguyên tắc thơ Đường :

+ Thi bất đạt hữ : Thơ không thể chẻ nhỏ.

+ Thi bất nhĩ tướng dã : Thơ không nên giải thích rõ ràng minh bạch.

+ Dã bất khả tận dã : Thơ không giải thích cùng kiệt.

### 3.6.4. **Chú ý khai thác nghệ thuật đối trong thơ Đường:**

Đối là một biện pháp tu từ, tạo nên sự hài thanh và cân chỉnh, tăng hiệu quả biểu đạt. Đối bao gồm :

\*- **Đối thanh** : Bằng đối với Trắc theo yêu cầu niêm, luật ở các tiếng 2,4,6.

- Ví dụ: Bài “Vọng Lư sơn bộc bộ ”

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

**T B T**

Dao khan bộc bộ quải tiền xuyên.

**B T B**

Phi lưu trực há tam thiên xích,

**B T B**

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

**T B T**

=> Vẻ đẹp “ thi trung hữu nhạc ” (trong thơ có nhạc)

\* **Đối ý** : (Không nên hiểu là phải có ý đối lập mà có thể là đối tượng liên ý bổ sung). Đối với Đường luật, cặp câu giữa (câu 2 và 3) buộc phải đối, gọi là bình đối ; còn về trước đối với về sau gọi là tiểu đối.

+ Ví dụ: Trong bài “Hồi hương ngẫu thư”:

Câu 1: “ **Thiếu** tiểu li gia, **lão** đại hồi ” : Rời nhà từ lúc còn **trẻ**, **già** mới quay về (tiểu đối)

Câu 2: “**Hương âm vô cải**, **mấn mao tòi**” :**Giọng quê không đổi**, nhưng **tóc mai đã rụng**.

Chỉnh cả ý lẫn lời: (Hương âm :**Giọng quê** – mấn mao : **tóc mai**)

(Vô cải : **không đổi** - tòi: **hông, rơi rụng**) => Chỉ cái thay đổi)

Chức năng ngữ pháp: vô cải, tòi làm vị ngữ.

\***Đối từ** : Danh từ với danh từ, tính từ đối với tính từ...

**Lưu ý**: Đối từ , đối ý là yêu cầu bắt buộc đối với thơ thất ngôn bát cú Đường luật, cụ thể là ở liên 2 và liên 3 ( liên là các cặp câu 1 và 2, 3 và 4). Còn đối với tuyệt cú thì không nhất thiết.

Ngoài đối thơ Đường luật còn có một số chi tiết nghệ thuật cần chỉ rõ :

\***Niêm** : “ **Niêm**” có nghĩa là dính với nhau . Nếu luật quy định bằng trắc theo chiều ngang ,thì niêm là quy định bằng trắc theo chiều dọc để gắn liền với các cặp câu lại và tránh đơn điệu. Do có luật “ Nhất tam ngũ bất luận,nhị tứ lục phân minh” nên người ta chỉ quy định tiếng thứ hai ở câu 1 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 8,tiếng thứ hai ở câu 2 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 3 , tiếng thứ hai ở câu 4 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 5 , tiếng thứ hai ở câu 6 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 7.

Tóm lại ,niêm là tiếng thứ hai của các câu sau đây phải cùng thanh : 1-8 ,2-3, 4-5 ,6-7 → Nếu làm sai quy định gọi là thất niêm .

### 3.6.5. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý kết cấu (bố cục):

Thơ Đường là loại thơ có **cách luật** chặt chẽ nhất. Về **kết cấu** bài thơ thất ngôn bát cú gồm các phần sau:

- ↗ Phá đề
- ↘ Thừa đề
- 4 phần :      ↗ Đề: cặp câu 1-2      ↘ Thừa đề  
                   → Thực: Cặp câu 3-4  
                   ↘ Luận: Cặp câu 5-6  
                   ↘ Kết: Cặp câu 7-8

- Đề : cặp câu 1-2 : Câu 1 gọi là **phá đề** : Nói lên ý tổng quát được biểu thị ở đầu đề bài thơ .Câu 2 gọi là **thừa đề** : Chuyên ý thơ đi sâu thêm một bước vào nội dung (theo sự xác định của đầu đề).

- Thực: Cặp câu 3- 4 : Đi sâu phát triển nội dung ý nghĩa được nêu ở đầu đề.

- Luận: Cặp câu 5- 6 : Bày tỏ tình ý luận bàn của người là thơ.

- Kết : Cặp câu 7- 8 : Gói gém tình ý, quay về ý chính của đề ; khắc họa sâu hơn, khái quát hơn.

### 3.6.7. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý các yếu tố ngoài văn bản:

Trong quá trình phân tích (hoàn cảnh sáng tác, tác giả, thể loại) là vô cùng quan trọng.

Cần cho học sinh đọc kỹ chú thích \* để làm cơ sở phân tích, đánh giá tác phẩm.

Ví dụ : Bài “ Mao ốc vị thu phong sở phá ca”. (Trang 132- Ngữ văn 7, tập 1)

- Tác giả : Đỗ Phủ (712-770) là nhà thơ nổi tiếng đời Đường của Trung Quốc, tự là Tử Mĩ, hiệu Thiếu Lăng, quê ở tỉnh Hà Nam .Có một thời gian ngắn ông làm quan nhưng gần như suốt đời sống trong cảnh đau khổ, bệnh tật. Năm 755, tướng An Lộc Sơn nổi dậy chống triều đình. Để tránh hiểm họa, và lại cũng không được nhà vua tín nhiệm, năm 759, ông từ quan, đưa gia đình về vùng Tây Nam, một thời gian sống ở Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên.

- Hoàn cảnh sáng tác : Năm 760, được bạn bè và người thân giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được một nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía tây Thành Đô. Đỗ Phủ vừa ở nhà mới được mấy tháng thì căn nhà đã bị gió phá nát. Bài ca nhà tranh bị gió thu phá là một tác phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ .Bút pháp hiện thực cũng như tinh thần nhân đạo cao cả của bài thơ đã ảnh hưởng khá sâu sắc đến thơ ca Trung Quốc đời sau.

- Thể loại : thể thơ cổ thể

### 3.7. Về khả năng áp dụng của sáng kiến :

Khi áp dụng phương pháp này, qua kiểm tra chất lượng bài 15 phút và giữa kì I, tôi thu được kết quả như sau: (Lớp 7A1 áp dụng còn 7A2 không áp dụng phương pháp dạy trên)

Lớp	Tổng số HS	Xếp loại ( số lượng và tỉ lệ %)				
		Giỏi	Khá	T. bình	Yếu	Kém
7A1	39	7=17,9 %	13 = 33,3%	17=43,7%	2=5,1%	0=0%
7A2	37	0= 0%	7=18,9%	19=51,4%	8 =21,6%	3=8,1%

- Ngày bắt đầu thực hiện sáng kiến từ tháng 9/2020 đến tháng 01 /2021 ( năm học 2020-2021)

### 3.8. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến

- Thư viện nhà trường nên bổ sung nguồn tài liệu mới giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp của các tác giả thơ Đường của Trung Quốc.
- Các tài liệu văn học giới thiệu về các giai đoạn phát triển của văn học nước nhà gắn với các giai đoạn lịch sử của dân tộc ta cùng với thời đại nhà Đường của Trung Quốc.
- Giáo viên tìm tòi ,đầu tư, nắm vững kiến thức liên quan đến tiết dạy của mình.

3.9. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả.

- Theo tôi nếu áp dụng các giải pháp tôi đưa ra có thể giúp các em nắm bắt được nội dung từng bài thơ, tuy nhiên còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như :

- + Khả năng cảm thụ thơ của học sinh.
- + Tùy thuộc vào từng thời gian, mức độ nội dung của từng tác phẩm.
- + Sự chuẩn bị tìm hiểu bài trước của giáo viên và học sinh.

3.10. Ngày, nơi và những người đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử:

- Ngày áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử: 12/11/2020 – tại lớp 7A1 Trường THCS Nguyễn Tất Thành – Nam Dong – Cư Jút– Đắk Nông.

3.11. Tài liệu kèm theo

- Bồi dưỡng nâng cao Ngữ văn 7, NXB Giáo dục Việt Nam
- Sách giáo khoa và sách giáo viên Ngữ văn 7, NXB Giáo dục Việt Nam
- Tham khảo một số sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy thơ Đường của các đồng nghiệp
- Thi pháp thơ Đường – NXB Trẻ

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật, không sao chép hoặc vi phạm bản quyền của tác giả khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Nam Dong, ngày 02 tháng 03 năm 2021*  
Người làm đơn

Nguyễn Thị Hiền

**BẢN MÔ TẢ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA SÁNG KIẾN**

Tên Sáng kiến: Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7

Tên người viết Sáng kiến : Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ : Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường THCS Nguyễn Tất Thành

**1. Thực trạng:** (Các vấn đề tồn tại trước khi thực hiện sáng kiến, có thể là các khó khăn, bất cập, hạn chế, nhu cầu công việc mới phát sinh, ....)

\*Về phía nội dung chương trình thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

Phần nội dung chương trình Ngữ văn 7 kì I có nhiều bài thơ Đường của thời nhà Đường (Trung Quốc) rất tiêu biểu, đặc sắc. Trước đây, một số bài thơ này được học trong chương trình 9 nhưng theo quan điểm đổi mới, các tác phẩm này đã được đưa xuống chương trình văn 7. Vì vậy để học sinh nắm được cái thần của bài thơ, hiểu được ý nghĩa sâu xa của bài thơ quả là rất khó.

\*Về phía học sinh:

Nhiều học sinh tỏ ra ngại học phần thơ Đường, không hứng thú, nhất là các bài thơ có bản phiên âm chữ Hán... Nhiều học sinh chưa có thói quen chủ động tìm hiểu khám phá bài học, còn thờ ơ, lãnh đạm với tác phẩm văn chương, nhất là thơ, thường ít hiểu, ít yêu thơ. Các em học các bài thơ trong sách giáo khoa cũng bình thường như các bài học khác, ít em có một quyển sổ đẹp để chăm chút viết vào đây những bài thơ hay mà mình yêu thích. Đối với nhiều em, thế giới thơ còn là một thế giới xa lạ. Nếu có ai hỏi các em về những bài thơ hay mà các em thích, thường khi hiểu biết của các em quanh quẩn cũng không ngoài các bài thơ đã học trong sách giáo khoa và sở dĩ các em thấy hay vì có in trong sách giáo khoa và thầy giáo bảo vậy. Cá biệt không phải không có em “sợ” thơ, bởi vì có những bài thơ có phiên âm chữ Hán, từ ngữ khó hiểu, điển cố nặng nề gây cho các em nhiều mệt nhọc, mà cách giảng của người thầy nhiều lúc cũng chưa làm cho các em hiểu rõ và thấy hay thêm được chút nào. Từ đó học sinh mất hứng thú khi học văn và kéo theo chất lượng học văn ngày càng sa sút.

Tuy xã hội phát triển cùng với những thông tin đại chúng như internet nhưng các em tiếp xúc không phải thay vì tìm kiếm những tác phẩm văn chương hay để đọc mà chủ yếu để kết bạn, nghiện những trò chơi hấp dẫn hiện đại điều này không chỉ khiến các em ngày càng học yếu mà còn xa vào các tệ nạn xã hội.

\*Về phía giáo viên:

Với những văn bản thơ chữ Hán, một số giáo viên khi phân tích chủ yếu hướng dẫn các em phần nhiều bám vào bản dịch thơ mà sao nhãng hoặc



quên lãng bản phiên âm (bản gốc), HS không thể nhớ nổi một từ hay một câu thơ trong bản gốc.

Tiếp cận với những bài thơ mỹ lệ, mang tính mẫu mực, một số giáo viên tham phần bình, bình quá nhiều khiến thiếu thời gian để học sinh phát huy năng lực sáng tạo của mình trong quá trình cảm nhận.

Một số giáo viên lại chỉ chú ý đến hệ thống câu hỏi mà chưa chú ý đến phần bình, giờ dạy khô khan, điều đó khiến cho năng lực cảm thụ cái hay cái đẹp của tác phẩm với học sinh chưa hoàn toàn đúng mức.

\* Các nhân tố khác:

Bên cạnh đó, thế kỉ 21 Hội nhập toàn cầu, đời sống kinh tế xã hội phát triển, những môn học thời thượng (Toán, Lý, Hoá, Tin học, Ngoại ngữ...) quan trọng hơn bao giờ hết thì văn chương không có tính năng ứng dụng, tương lai người học không được đảm bảo, học sinh ngày càng xa rời văn chương. Đặc biệt, một thực tại mà giáo viên nào cũng nhận thấy: Sách tham khảo, sách hướng dẫn để học tốt, sách chuẩn kiến thức, những bài văn mẫu, điện thoại thông minh, máy vi tính... quá nhiều, vô hình dung đã làm cho học sinh bỏ rơi sách giáo khoa, học sinh tỏ ra biết đầy đủ nội dung tác phẩm văn chương được học dựa vào bài soạn ở nhà nhưng chưa một lần đọc bài văn, bài thơ trong sách giáo khoa, thầy có kiểm tra phát vấn thì các loại sách tham khảo nghĩ hộ, nói hộ tất cả và khi giáo viên ra đề kiểm tra coi nghiêm túc thì tất thầy đã phơi bày ra, học sinh không thích, không có hứng thú học văn.

Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy hầu như các em không có hứng thú với thể loại thơ Đường hỏi gì các em cũng không biết và tỏ thái độ không hợp tác, toàn chú ý đi nơi khác.

Để biết rõ hơn nguyên nhân vì sao các em lại có thái độ như vậy, tôi đã chủ động phát phiếu thăm dò đối với học sinh của lớp 7A2 tôi đang trực tiếp giảng dạy:

\* **Phiếu thăm dò:**

Câu hỏi	Rất thích	Thích	Không thích
Em cảm nhận như thế nào khi học thể loại thơ Đường ? (Học sinh đánh dấu X vào ô chọn)			

Kết quả thu được lại khiến cho tôi rất trăn trở.

Lớp	Tổng số	Rất thích		Thích		Không thích	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
7A2	37	02	5, 4%	12	32, 4%	23	62,2%

Tiến hành nghiên cứu đề tài này, tôi không có tham vọng nhiều mà chỉ mong học sinh của tôi có niềm đam mê học văn nói chung và có kĩ năng cảm thụ thơ Đường nói riêng để từ đó chất lượng học văn ngày càng được nâng lên.

**2. Nội dung sáng kiến:** (Các giải pháp cụ thể để giải quyết thực trạng trên)

## 2.1. Nâng cao hiệu quả một số tiết dạy thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7

### 2.1.1. Thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7:

- “Vọng Lư sơn bộc bố” ( Xa ngắm thác núi Lư ) – Lý Bạch.
- “ Tĩnh dạ tứ” (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh) – Lý Bạch.
- “ Hồi hương ngẫu thư”(Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê) – Hạ Tri Chương.
- “ Mao ốc vị thu phong sở phá ca” ( Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) - Đỗ Phủ.

-“ Phong Kiều dạ bạc” (Đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều) – Trương Kế.  
 \*So với thơ Đường trong sách giáo khoa lớp 9 cũ đã giảm rất nhiều cho phù hợp với lớp 7. Sách giáo khoa lớp 9 trước đây, thơ Đường dạy cô lập nhưng giờ đây tiếng Việt, làm văn đều dùng ngữ liệu thơ Đường không chỉ để khắc hoạ kiến thức mới mà còn làm đề luyện tập.

### 2.1.2. Đặc điểm của 5 bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 7 :

Có 3 bài làm theo thể thất ngôn tuyệt cú Đường luật :

- + Hồi hương ngẫu thư.
- + Vọng Lư sơn bộc bố.
- + Phong Kiều dạ bạc.

Có 2 bài làm theo thể cổ phong :

- + Tĩnh dạ tứ.
- + Mao ốc vị thu phong sở phá ca.

(Tránh nhầm lẫn coi “Tĩnh dạ tứ” làm theo thể Đường luật tuy cũng 4 câu).

#### **a. Học thơ Đường là dịp để bồi dưỡng từ Hán Việt:**

- Điều cần chú ý : Bản thân các chữ trong 5 bài thơ Đường chỉ là phiên âm chữ Hán. Phần lớn các chữ đó khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. Bởi vậy sẽ rất sai lầm nếu nói 4 bài thơ Đường là từ Hán Việt.

- Khi phân tích cho học sinh những văn bản này cần chỉ rõ cho học sinh sự khác nhau giữa phiên âm chữ Hán và từ Hán Việt để bồi dưỡng sâu sắc hơn cho học sinh về từ Hán Việt, tích hợp với phân môn Tiếng Việt.

Ví dụ: -“Vọng Lư sơn bộc bố” ( Xa ngắm thác núi Lư ) – Lý Bạch.

Phiên âm: Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên  
 Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.  
 Phi lưu trực há tam thiên xích,  
 Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Giải nghĩa: **Nhật** : mặt trời (ngày) ; **chiếu** : chiếu sáng , soi sáng ; **Hương Lô**: tên đỉnh núi; **sinh**: làm nảy sinh, sinh ra ; **tử** : màu đỏ tía ; **yên** : khói . Các từ phiên âm: **nhật, tử, yên** khi sang Việt Nam đã được ông cha ta tiếp nhận và dùng nó như những yếu tố để tạo nên từ Hán Việt. (**Nhật**: nhật kí, nhật báo, sinh nhật...; **Tử** : tử trận, công tử, tử thi...)

**b. Khi dạy thơ Đường, cần có ý thức đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán ( phiên âm ) với bản dịch thơ ( Không phải chỉ thơ Đường mà ngay cả thơ trung đại Việt Nam viết bằng chữ Hán).**

Qua việc đối chiếu giữa nguyên tác chữ Hán (phiên âm) với bản dịch thơ cho học sinh thấy việc dịch thuật (dịch thơ) là một quá trình lao tâm khổ tứ. Đây là dịp bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy so sánh ý thức tối thiểu: Làm khoa học phải bám vào sự kiện mà sự kiện đối với tác phẩm văn học nước ngoài là nguyên tác. Dù một nhận xét nhỏ khi so sánh đối chiếu cũng đáng biểu dương.

Hơn nữa, dịch thơ do chịu áp lực của thể loại, vần nhịp... Nên đôi khi chưa thoát hết thần thái của nguyên tác.

**c. Khi phân tích thơ Đường, cần chú ý cấu trúc và các “nhãn tự” là chìa khoá để giải mã bài thơ:**

\* **Cấu trúc** : Cách mở bài và kết bài của thơ Đường chúng rất hay động lại dư vị chung toàn bài. Câu kết thường biểu hiện âm hưởng chủ đạo toàn bài.

Ví dụ : Bài “ Hồi hương ngẫu thư”

“ Thiều tiều li gia, lão đại hồi,  
Hương âm vô cải, mấn mao tồi.  
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,  
Tiểu vấn : Khách tòng hà xứ lai ?”

Sau khi phân tích, giáo viên cần cho học sinh thấy sự khác nhau khi biểu hiện tình cảm quê hương ở hai câu đầu và câu cuối. ( Câu hỏi 4 / Sgk trang 27 ).

+ Giọng điệu âm hưởng hai câu thơ đầu: Giọng tự sự khách quan bình thản hơi man mác buồn. Thời gian xa quê đã lâu nên có nhiều thay đổi. Khi ra đi thời trẻ, lúc trở về đã già, tuy giọng quê không đổi nhưng tuổi tác, mái đầu đôi tóc sương pha nên không ai nhận ra nữa. Nhà thơ thay đổi nhưng quê hương cũng đổi thay. Giờ đây lớp người già ra đi chỉ còn nhi đồng ra đón.

+ Giọng điệu câu kết: Bề ngoài có vẻ vui tươi nhưng bên trong tâm trạng thi nhân là một nỗi buồn : Trẻ -nhi đồng ra đón, nơi chôn nhau cắt rốn mà coi như khách – người xa lạ.

=> âm hưởng ngậm ngùi, giọng điệu bi hài ẩn sau lời tự sự khách quan, hóm hỉnh.

\*- **Vấn đề “ nhãn tự” trong câu thơ** : Đây chính là tiêu điểm cần khai thác.

-Trong ba bài tuyệt cú các “nhãn tự” đều là động từ.

+ Ví dụ : Bài “ Vọng Lư sơn bộc bố” từ “sinh” “quải”, “lạc”,

“ Nhật chiếu Hương Lô **sinh** tử yên”

-> Dịch nghĩa: Mặt trời chiếu núi Hương Lô **sinh** làn khói tía.

“ Dao khan bộc bố **quải** tiền xuyên”.

-> Dịch nghĩa: Xa nhìn dòng thác **treo** trên dòng sông phía trước ( Lấy tĩnh tả động)

Bản dịch thơ: “Xa trông dòng thác trước sông này” bỏ mất từ “**treo**” này.

Thác nước cao, trông xa như treo trước dòng sông. Gợi như dải lụa khổng lồ bởi chỉ có dải lụa mới treo được chứ làm sao treo được dòng thác đang chảy

=> Ý ca ngợi thiên nhiên hùng vĩ, phi thường.

“ Nghi thị ngân hà **lạc** cửu thiên”

-> Dịch nghĩa: Ngõ là sông ngân **roi** tự chín tầng mây.

+ Ví dụ : Trong bài “ Tĩnh dạ tứ” từ “ **cử**”, “ **đê**”.

“ **Cử** đầu vọng minh nguyệt” : **Ngẩng** đầu nhìn trăng sáng.

“ **Đê** đầu tư có hương” : **Cúi** đầu nhớ cố hương.

+ Ví dụ : Bài “ Hồi hương ngẫu thư” từ “ **hồi** ”, “ **tiểu** ”, “ **vấn** ”.

“ Thiếu tiểu li gia, lão đại **hồi** ”: Rời nhà từ lúc còn trẻ , già mới **quay về**,

“ **Tiểu vấn** : Khách tòng hà xứ lai? ”: **Cười hỏi** : Khách ở nơi nào đến ?

-Chỉ có thể phân tích sâu sắc những từ chìa khoá ấy mới làm nổi bật được cái thần của bài thơ. Đây được xem là “ mã văn hoá”. Tuy nhiên, giải nghĩa của “ nhân tự ” luôn đòi hỏi phải đặt nó vào mạch cảm xúc toàn bài, không nên cắt nghĩa quá vụn vặt bởi lẽ điều này sẽ làm trái với nguyên tắc thơ Đường :

+ Thi bất đạt hồ : Thơ không thể chẻ nhỏ.

+ Thi bất nhĩ tướng dã : Thơ không nên giải thích rõ ràng minh bạch.

+ Dã bất khả tận dã : Thơ không giải thích cùng kiệt.

#### d. **Chú ý khai thác nghệ thuật đối trong thơ Đường:**

Đối là một biện pháp tu từ, tạo nên sự hài thanh và cân chỉnh, tăng hiệu quả biểu đạt. Đối bao gồm :

\* **Đối thanh** : Bằng đối với Trắc theo yêu cầu niêm, luật ở các tiếng 2,4,6.

- Ví dụ: Bài “Vọng Lư sơn bộc bố ”

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

**T**                      **B**                      **T**

Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.

**B**                      **T**                      **B**

Phi lưu trực há tam thiên xích,

**B**                      **T**                      **B**

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

**T**                      **B**                      **T**

=> Về đẹp “ thi trung hữu nhạc ” (trong thơ có nhạc)

\* **Đối ý** : (Không nên hiểu là phải có ý đối lập mà có thể là đối tượng liên ý bổ sung). Đối với Đường luật, cặp câu giữa (câu 2 và 3) buộc phải đối, gọi là bình đối ; còn về trước đối với về sau gọi là tiểu đối.

+ Ví dụ: Trong bài “Hồi hương ngẫu thư”:

Câu 1: “ **Thiếu** tiểu li gia, **lão** đại **hồi** ” : Rời nhà từ lúc còn **trẻ**, **già** mới quay về (tiểu đối)

Câu 2: “**Hương âm vô cái**, **mấn mao tòi**” :**Giọng quê không đối**, nhưng **tóc mai đã rụng**.

Chỉnh cả ý lẫn lời: (Hương âm :**Giọng quê** – mấn mao : **tóc mai**)

(Vô cái : **không đối** - tòi: **hông, rơi rụng**) => Chỉ cái thay đổi)

Chức năng ngữ pháp: vô cái, tòi làm vị ngữ.

\* **Đối từ** : Danh từ với danh từ, tính từ đối với tính từ...

**Lưu ý**: Đối từ, đối ý là yêu cầu bắt buộc đối với thơ thất ngôn bát cú Đường luật, cụ thể là ở liên 2 và liên 3 ( liên là các cặp câu 1 và 2, 3 và 4). Còn đối với tuyệt cú thì không nhất thiết.

Ngoài đối thơ Đường luật còn có một số chi tiết nghệ thuật cần chỉ rõ :

\***Niêm** : “**Niêm**” có nghĩa là dính với nhau . Nếu luật quy định bằng trắc theo chiều ngang ,thì niêm là quy định bằng trắc theo chiều dọc để gắn liền với các cặp câu lại và tránh đơn điệu. Do có luật “Nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh” nên người ta chỉ quy định tiếng thứ hai ở câu 1 phải cùng thanh

với tiếng thứ hai ở câu 8, tiếng thứ hai ở câu 2 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 3, tiếng thứ hai ở câu 4 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 5, tiếng thứ hai ở câu 6 phải cùng thanh với tiếng thứ hai ở câu 7.

Tóm lại, niêm là tiếng thứ hai của các câu sau đây phải cùng thanh : 1-8, 2-3, 4-5, 6-7 → Nếu làm sai quy định gọi là thất niêm .

**e. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý kết cấu (bố cục):**

Thơ Đường là loại thơ có **cách luật** chặt chẽ nhất. Về **kết cấu** bài thơ thất ngôn bát cú gồm các phần sau:

	↗	Phá đề
	↘	Thừa đề
4 phần :	→	Thực: Cặp câu 3-4
	↘	Luận: Cặp câu 5-6
	↘	Kết: Cặp câu 7-8

- Đề : cặp câu 1-2 : Câu 1 gọi là **phá đề** : Nói lên ý tổng quát được biểu thị ở đầu đề bài thơ. Câu 2 gọi là **thừa đề** : Chuyển ý thơ đi sâu thêm một bước vào nội dung (theo sự xác định của đầu đề).

- Thực: Cặp câu 3- 4 : Đi sâu phát triển nội dung ý nghĩa được nêu ở đầu đề.

- Luận: Cặp câu 5- 6 : Bày tỏ tình ý luận bàn của người là thơ.

- Kết : Cặp câu 7- 8 : Gói gém tình ý, quay về ý chính của đề ; khắc họa sâu hơn, khái quát hơn.

**g. Khi phân tích thơ Đường cần chú ý các yếu tố ngoài văn bản:**

Trong quá trình phân tích (hoàn cảnh sáng tác, tác giả, thể loại) là vô cùng quan trọng.

Cần cho học sinh đọc kỹ chú thích \* để làm cơ sở phân tích, đánh giá tác phẩm.

Ví dụ : Bài “ Mao ốc vị thu phong sở phá ca”. (Trang 132- Ngữ văn 7, tập 1)

- Tác giả : Đỗ Phủ (712-770) là nhà thơ nổi tiếng đời Đường của Trung Quốc, tự là Tử Mĩ, hiệu Thiếu Lăng, quê ở tỉnh Hà Nam .Có một thời gian ngắn ông làm quan nhưng gần như suốt đời sống trong cảnh đau khổ, bệnh tật. Năm 755, tướng An Lộc Sơn nổi dậy chống triều đình. Để tránh hiểm họa, và lại cũng không được nhà vua tín nhiệm, năm 759, ông từ quan, đưa gia đình về vùng Tây Nam, một thời gian sống ở Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên.

-Hoàn cảnh sáng tác: Năm 760, được bạn bè và người thân giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được một nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía tây Thành Đô. Đỗ Phủ vừa ở nhà mới được mấy tháng thì căn nhà đã bị gió phá nát. Bài ca nhà tranh bị gió thu phá là một tác phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. Bút pháp hiện thực cũng như tinh thần nhân đạo cao cả của bài thơ đã ảnh hưởng khá sâu sắc đến thơ ca Trung Quốc đời sau.

- Thể loại : thể thơ cổ thể

**3. Hiệu quả mang lại:** (Sau khi áp dụng các giải pháp nêu trên đã mang lại hiệu quả như sau:...)

Khi áp dụng phương pháp này, qua kiểm tra chất lượng bài 15 phút và giữa kì I, tôi thu được kết quả như sau: (Lớp 7A1 áp dụng còn 7A2 không áp dụng phương pháp dạy trên)

Lớp	Tổng số HS	Xếp loại ( số lượng và tỉ lệ %)				
		Giỏi	Khá	T. bình	Yếu	Kém
7A1	39	7=17,9 %	13 = 33,3%	17=43,7%	2=5,1%	0=0%
7A2	37	0= 0%	7=18,9%	19=51,4%	8 =21,6%	3=8,1%

**Đánh giá phạm vi ảnh hưởng của Sáng kiến:**

- Chỉ có hiệu quả trong phạm vi đơn vị áp dụng.
- Đã được chuyển giao nhân rộng ra phạm vi ngoài đơn vị.

*Nam Dong, ngày 02 tháng 03 năm 2021*

**Người viết sáng kiến**

Nguyễn Thị Hiền

